

Số: 53 /BC - UBND

Yết Kiêu, Ngày 13 tháng 07 năm 2023

**BÁO CÁO THUYẾT MINH CÔNG KHAI
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU CHI NGÂN XÃ QUÝ II/2023**

Căn cứ Quyết định số 3088 /QĐ - UBND ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Gia Lộc về giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư công năm 2023.

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã Yết Kiêu khóa II, nhiệm kỳ 2021 - 2026, kỳ họp thứ Tư: số: 06 /NQ-HĐND ngày 27/12/2022 về tình hình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022, Kế hoạch phát triển Kinh tế - xã hội năm 2023; số 07 /NQ - HĐND ngày 27/12/2022 về dự toán ngân sách và các hoạt động tài chính khác năm 2023.

UBND xã Yết Kiêu báo cáo thuyết minh công khai tình hình thực hiện chi ngân sách Quý II như sau :

1. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH

Tổng thu ngân sách xã kì báo cáo là :2.470.997.901 đồng.Đạt 28.88 % so với dự toán HĐND xã giao đầu năm.

Trong đó các chỉ tiêu thu ngân sách cụ thể như sau :

- Thu phí,lệ phí chứng thực : 8.425.000 đồng , đạt 28.08% so với dự toán HĐND xã giao đầu năm.
- Thu từ quỹ đất công ích và đất công : 0 đồng , đạt 0% so với dự toán HĐND xã giao đầu năm,do chưa đến kì thu sản phẩm ao cá và thu nợ hàng năm.
- Thu phạt ,tích thu khác : 14.400.000 đồng .
- Thu khác :22.400 đồng .
- Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 0 đồng , đạt 0% so với dự toán HĐND xã giao.
- Thu lệ phí môn bài từ hộ cá nhân,hộ kinh doanh : 300.000 đồng , đạt 84,8 1.2% so với dự toán HĐND xã giao.
- Thu lệ phí trước bạ nhà đất : 26.831.605 đồng , đạt 34 % so với dự toán HĐND xã giao.
- Thu tiền sử dụng đất : 0 đồng ,đầu năm không có kế hoạch giao thu tiền sử dụng đất đưa vào dự toán.
- Thu thuế thu nhập cá nhân : 5.772.971 đồng , đạt 20.62 % so với dự toán HĐND xã giao.
- Thu tiền thuế GTGT : 11.545.925 đồng , đạt 20.62% so với dự toán HĐND xã giao.
- Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên : 2.400.000.000 đồng,đạt 30.34% HĐND xã giao.
- Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên : 3.700.000 đồng .

- Thu chuyển nguồn từ năm 2022 sang 2023 : 0 đồng .

(Biểu 114CKTC/NSX)

2. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH

Tổng chi ngân sách quý II năm 2023 đạt: 3.358.991.783 đồng đạt 39.26 % so với dự toán đầu năm.

Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển đạt: 1.536.900.241 đồng .

- Chi thường xuyên: 1.822.091.542 đồng .

(Biểu 114CKTC/NSX)

3. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THU, CHI TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Đối với thu ngân sách

- Tăng cường sự chỉ đạo của Đảng ủy, chính quyền đối với nhiệm vụ thu ngân sách xã;

- Tập trung rà soát các chỉ tiêu chưa đạt của quý I, II trên cơ sở đó tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả thu 6 tháng cuối năm 2023. Đảm bảo thu đúng, thu đủ và kịp thời theo quy định của pháp luật.

- Triển khai và tổ chức tốt việc ủy nhiệm thu để ổn định, tăng cường quản lý các nguồn thu trên địa bàn, nâng cao vai trò trách nhiệm của hội đồng tư vấn thuế xã theo Quyết định 68/2007/QĐ-BTC ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Bộ tài chính việc ban hành “ Quy chế hoạt động của Hội đồng tư vấn thuế xã, thị trấn”.

- Tập trung vào các khoản thu phí, lệ phí phát sinh trên địa bàn, đồng thời rà soát tận thu đối với diện tích đất công điền, hoa lợi cộng sản...Phấn đấu hoàn thành đồng bộ các chỉ tiêu để đảm bảo nhiệm vụ chi ngân sách năm 2023.

- Tích cực và tăng cường tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, các chế độ, chính sách liên quan đến công tác thu và nhiệm vụ chi ngân sách, từ đó giúp người dân thực hiện tốt nghĩa vụ giao nộp. mặt khác, các đoàn thể chính trị cần tăng cường việc tuyên truyền, vận động các thành viên của đoàn thể mình cùng toàn thể nhân dân thực hiện tốt nghĩa vụ giao nộp cho nhà nước, cho tập thể, coi đây là trách nhiệm, nhiệm vụ trọng tâm, của đoàn thể mình.

- Xử lý và tổ chức thu hồi nợ đọng đối với một số cá nhân cố tình trây ỳ, tìm cách chống đối chôn trách nghĩa vụ giao nộp. Đặc biệt là thu ao cá, các hộ có ruộng công điền và các khoản thu khác của UBND xã.

- Tập trung xử lý đối với diện tích đất dôi dư, đất nhỏ lẻ, xen kẹt trong khu dân cư. Đồng thời nhanh chóng hoàn thiện thủ tục để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất kịp thời trong năm 2023, để lấy nguồn kinh phí chi trả nợ XDCB trong năm.

- Theo dõi nắm bắt kịp thời, đầy đủ sự biến động giá cả, tình hình sản xuất, kinh doanh của các hộ cá nhân góp phần huy động nguồn thu cho ngân sách xã. Thực hiện quản lý và thu vào ngân sách Nhà nước các khoản thu phí, lệ phí; thu sự nghiệp; thu phạt hành chính, theo đúng các quy định của cấp có thẩm quyền ban hành.

- Thực hiện tốt công tác quản lý, khai thác các nguồn thu ngân sách trên địa bàn, các biện pháp chống thất thu ngân sách.

2. Đối với chi ngân sách

- Thực hiện nghiêm luật ngân sách Nhà nước, tăng cường công tác quản lý điều hành chi ngân sách theo dự toán đã được duyệt, quản lý chi theo đúng chế độ tài chính hiện hành, đảm bảo các khoản chi từ ngân sách nhà nước có hiệu quả; thực hiện nghiêm việc quản lý tài sản nhà nước, thực hiện đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý, sử dụng máy móc thiết bị và quy trình mua sắm tài sản công, trang thiết bị theo đúng quy định.

- Thực hiện chế độ công khai Tài chính, công khai quyết toán, dự toán với dự án đầu tư XDCCB có sử dụng ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân góp phần thực hiện pháp lệnh dân chủ ở xã, phường, thị trấn theo thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của bộ tài chính về hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách và thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài Chính quy định về quản lý ngân sách và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn.

- Nâng cao chất lượng công tác đấu thầu, lựa chọn nhà thầu, bảo đảm lựa chọn nhà thầu có đầy đủ năng lực thực hiện dự án theo đúng tiến độ quy định. Thực hiện nghiêm thu khối lượng hoàn thành để bàn giao công trình đi vào sử dụng được kịp thời, đồng thời tổng hợp quyết toán công trình, trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định.

Trên đây là báo cáo công khai thuyết minh tình hình thực hiện thu, chi ngân sách quý II năm 2023 và những giải pháp thực hiện dự toán thu chi ngân sách năm 2023 của UBND xã Yết Kiêu ./.

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính - KH huyện
- Đảng ủy
- Trường, phó thôn
- Trưởng các ban ngành Đoàn thể
- Đại biểu HĐND
- Lưu VP

CHỦ TỊCH



Phạm Văn Du



Biểu số: 113CKTC/NSX

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II NĂM 2023

(Kèm theo báo cáo số 53/BC-UBND xã ngày 13/07/2023)

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023	SO SÁNH
	TỔNG THU	8,555,000,000	2,470,997,901	28.88%
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	105,000,000	14,422,400	13.74%
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	539,000,000	52,875,501	9.81%
3	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	7,911,000,000	2,403,700,000	30.38%
	- Thu bổ sung cân đối	7,911,000,000	2,400,000,000	30.34%
	- Thu bổ sung có mục tiêu		3,700,000	
3	Thu chuyển nguồn			
	TỔNG CHI	8,555,000,000	3,358,991,783	39.26%
1	Chi đầu tư phát triển	0	1,536,900,241	
2	Chi thường xuyên	8,376,800,000	1,822,091,542	21.75%
3	Dự phòng	178,200,000	0	0.00%



Biểu số: 114CKTC/NSX

TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH QUÝ II 2023
(Kèm theo báo cáo số 53/BC-UBND xã ngày 13/07/2023)

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
	TỔNG THU						
I	Các khoản thu xã hưởng 100%	8,555,000,000	8,555,000,000	2,478,074,205	2,470,997,901	29%	28.88%
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	105,000,000	105,000,000	16,678,000	14,422,400	16%	13.74%
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp	105,000,000	105,000,000			0%	0.00%
	Đóng góp của nhân dân theo quy định	0					
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân	0					
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	0		16,650,000	14,400,000		
	Thu khác	0		28,000	22,400		
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	539,000,000	539,000,000	57,696,205	52,875,501	11%	9.81%
	Phí, lệ phí	30,000,000	30,000,000	8,425,000	8,425,000	28%	28.08%
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	170,000,000	170,000,000			0%	0.00%
	Lệ phí môn bài	25,000,000	25,000,000	300,000	300,000	1%	1.20%
	Lệ phí trước bạ nhà đất	80,000,000	80,000,000	26,831,605	26,831,605	34%	33.54%
	Thu chuyển quyền sử dụng đất	0	0				
	Thuế TNCH	28,000,000	28,000,000	7,216,201	5,772,971	26%	20.62%
	Thuế VAT	56,000,000	56,000,000	14,923,399	11,545,925	27%	20.62%
	Thu khác	150,000,000	150,000,000			0%	0.00%
III	Thu chuyển nguồn	0		0	0		
IV	Thu kết dư ngân sách năm trước	0					
V	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	7,911,000,000	7,911,000,000	2,403,700,000	2,403,700,000	30%	30.38%
	- Thu bổ sung cân đối	7,911,000,000	7,911,000,000	2,400,000,000	2,400,000,000	30%	30.34%
	- Thu bổ sung có mục tiêu			3,700,000	3,700,000		
	- Thu bổ sung cân đối chương trình mục tiêu quốc gia NTM						
	- Thu bổ sung có mục tiêu						



Biểu số: H15CKT/2023

TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II NĂM 2023

(Kèm theo báo cáo số 53/BC-UBND xã ngày 13/07/2023)

DVT: Đồng

STT	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN HDND XÃ NĂM 2023				THỰC HIỆN CHI 6 THÁNG NĂM 2023				SO SÁNH			
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
	TỔNG CHI	8,555,000,000		8,555,000,000	3,358,991,783	1,536,900,241	1,822,091,542	39,26%		1,822,091,542	39,26%	39,26%	
1	Chi dân quân tự vệ, an ninh trật tự	1,109,953,000		1,109,953,000	312,793,800		312,793,800	28.18%				28.18%	
-	Chi dân quân tự vệ	428,050,000		428,050,000	139,343,850		139,343,850	32.55%				32.55%	
2	Chi an ninh trật tự	681,903,000		681,903,000	173,449,950		173,449,950	25.44%				25.44%	
3	Chi sự nghiệp Giáo dục	39,200,000		39,200,000	1,536,900,241		1,536,900,241	3920.66%				3920.66%	
4	Chi sự nghiệp y tế	39,200,000		39,200,000	19,975,000		19,975,000	50.44%				50.44%	
5	Chi Văn hóa, thông tin	82,000,000		82,000,000	0		0	0.00%				0.00%	
6	Chi thể dục, thể thao	30,000,000		30,000,000	0		0	0.00%				0.00%	
7	Chi phát thanh, truyền thanh	72,184,000		72,184,000	15,984,350		15,984,350	22.14%				22.14%	
8	Chi sự nghiệp	149,100,000		149,100,000	89,927,000		89,927,000	60.31%				60.31%	
-	Sự nghiệp giao thông	43,600,000		43,600,000	23,400,000		23,400,000	53.67%				53.67%	
-	SN nông, lâm nghiệp, thủy lợi	41,000,000		41,000,000	33,787,000		33,787,000	82.41%				82.41%	
-	SN môi trường	64,500,000		64,500,000	32,740,000		32,740,000	50.76%				50.76%	
-	SN kinh tế khác												
9	Chi đảm bảo xã hội	953,633,000		953,633,000	217,850,350		217,850,350	22.84%				22.84%	
-	Hưu xã và trợ cấp khác	915,633,000		915,633,000	214,150,350		214,150,350	23.39%				23.39%	
-	Chi đối tượng chính sách và BTXH khác	38,000,000		38,000,000									
10	Chi Quản lý NN, Đăng, Đoàn thể	5,814,130,000		5,814,130,000	1,157,576,042		1,157,576,042	19.91%				19.91%	
-	Quản lý nhà nước	3,401,220,000		3,401,220,000	697,872,463		697,872,463	20.52%				20.52%	
-	Đảng	676,568,000		676,568,000	129,820,211		129,820,211	19.19%				19.19%	
-	Mặt trận tổ quốc	627,540,000		627,540,000	320,177,868		320,177,868	51.02%				51.02%	
-	Đoàn Thanh niên	268,348,000		268,348,000	0		0	0.00%				0.00%	
-	Hội phụ nữ	253,475,000		253,475,000	0		0	0.00%				0.00%	
-	Hội Cựu chiến binh	243,699,000		243,699,000	0		0	0.00%				0.00%	
-	Hội nông dân	313,280,000		313,280,000	0		0	0.00%				0.00%	
-	Các tổ chức CTXH đặc thù khác	30,000,000		30,000,000	9,705,500		9,705,500	32.35%				32.35%	
11	Chính sách và hoạt động NCC	87,000,000		87,000,000	27,960,000		27,960,000	32.14%				32.14%	
12	Dự phòng và tăng thu	178,200,000		178,200,000	0		0	0.00%				0.00%	
13	Chi khác	0		0									